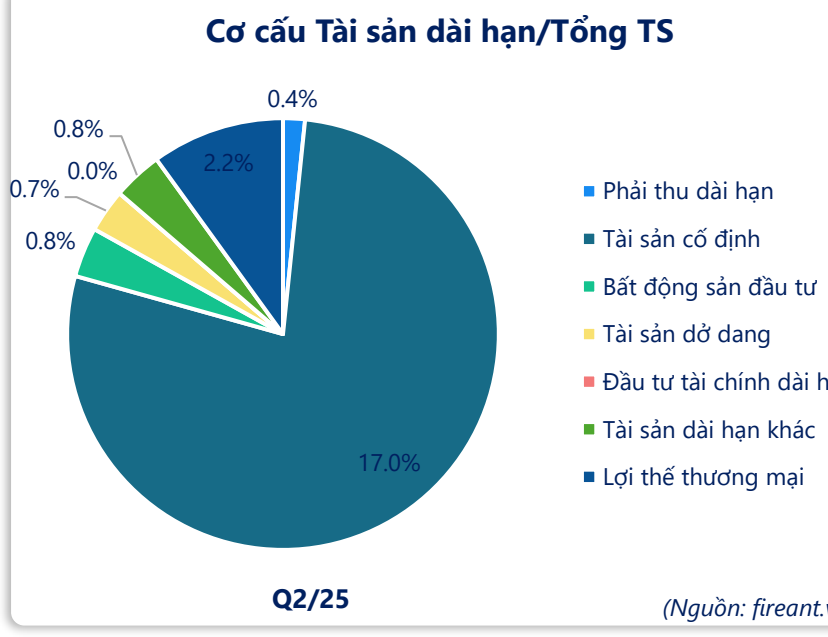
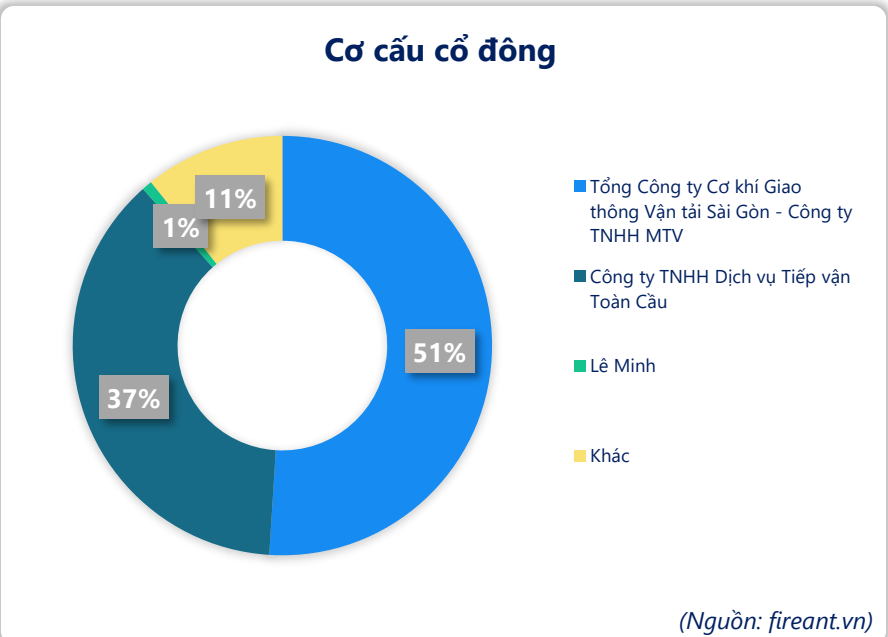
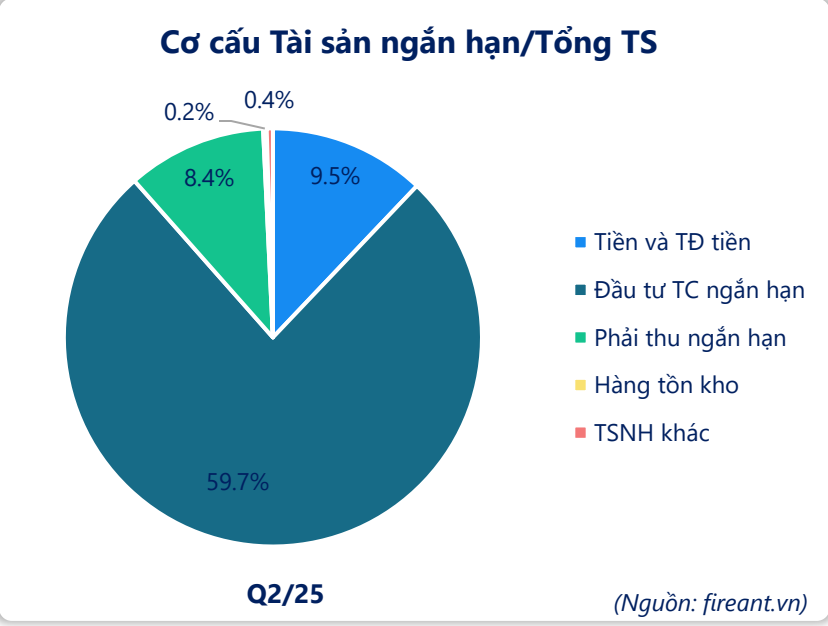
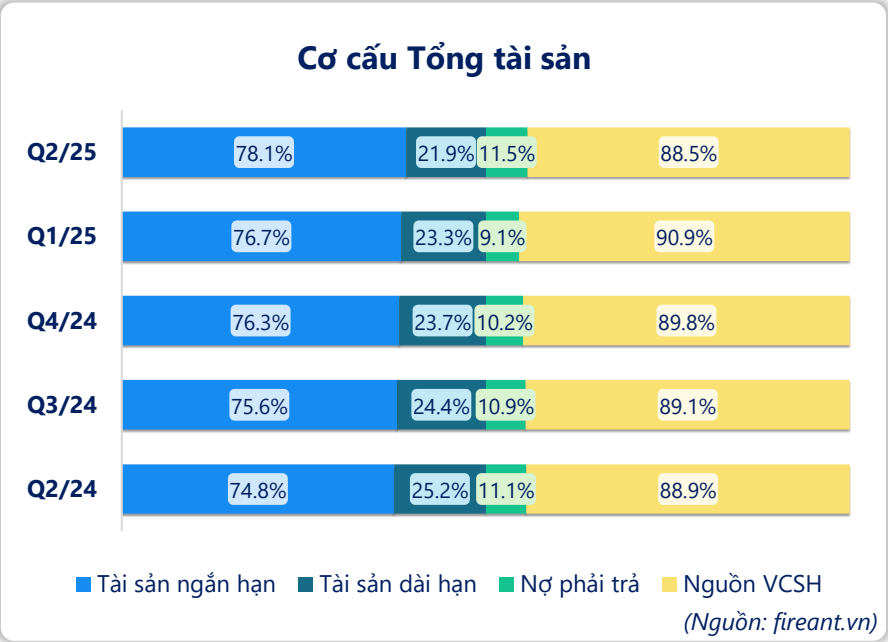
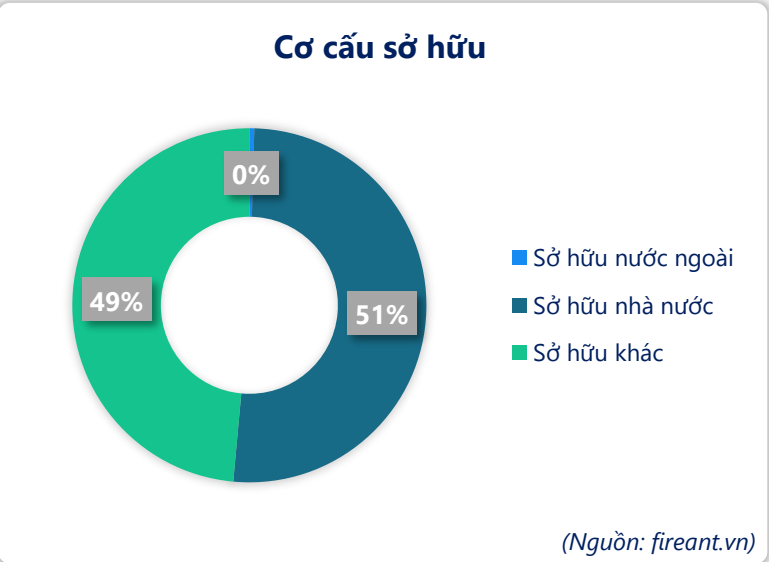
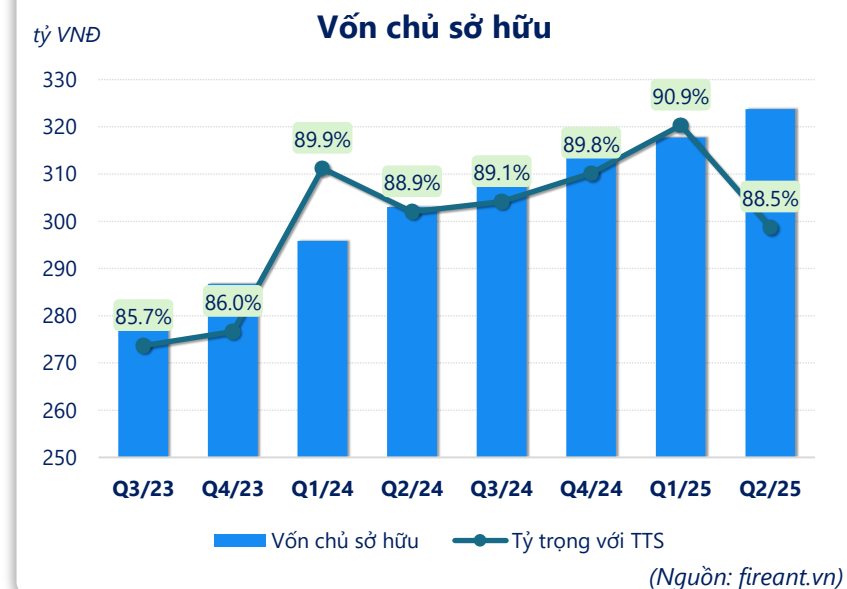
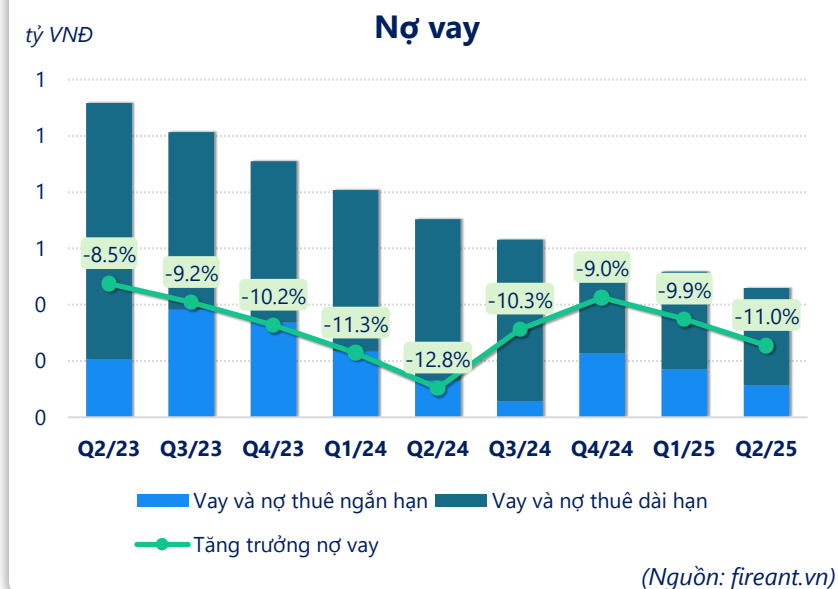
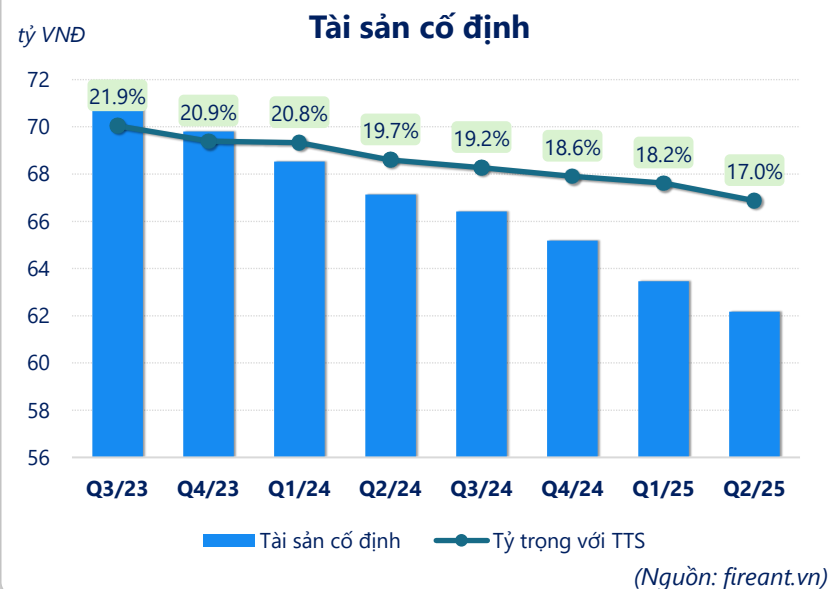
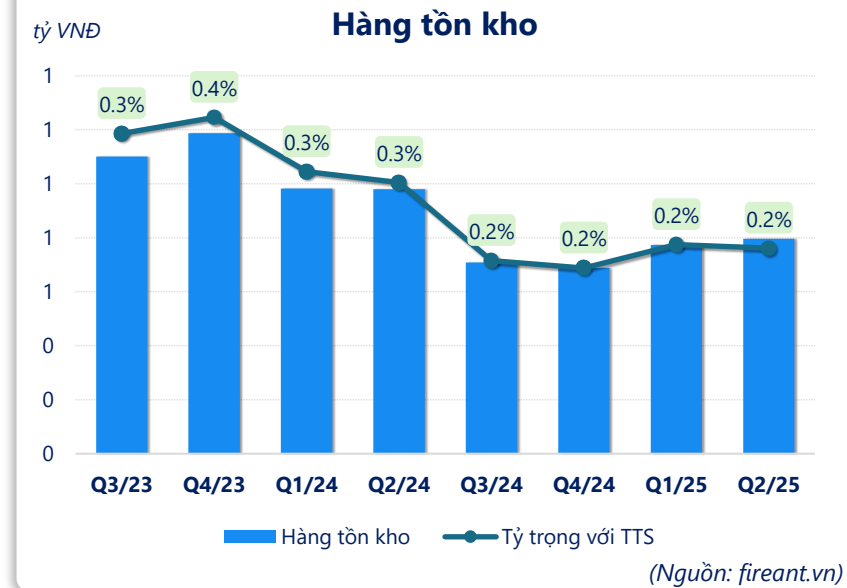
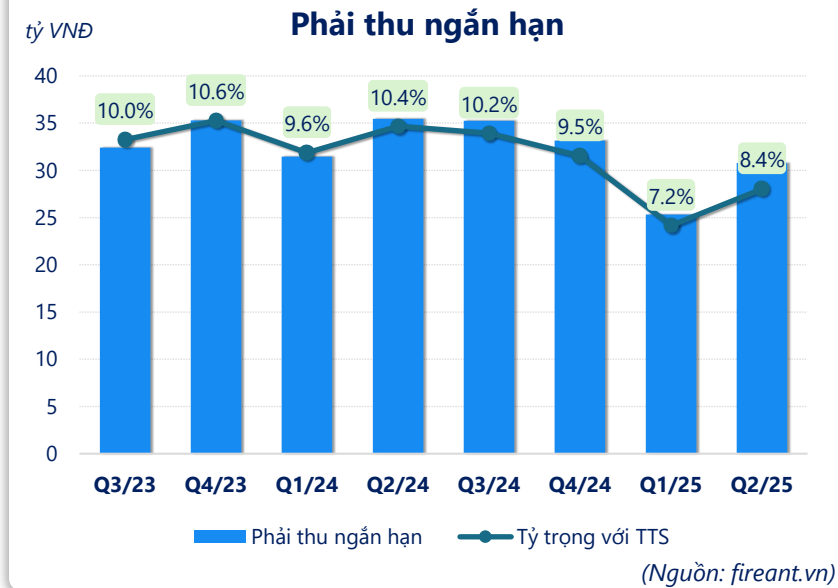
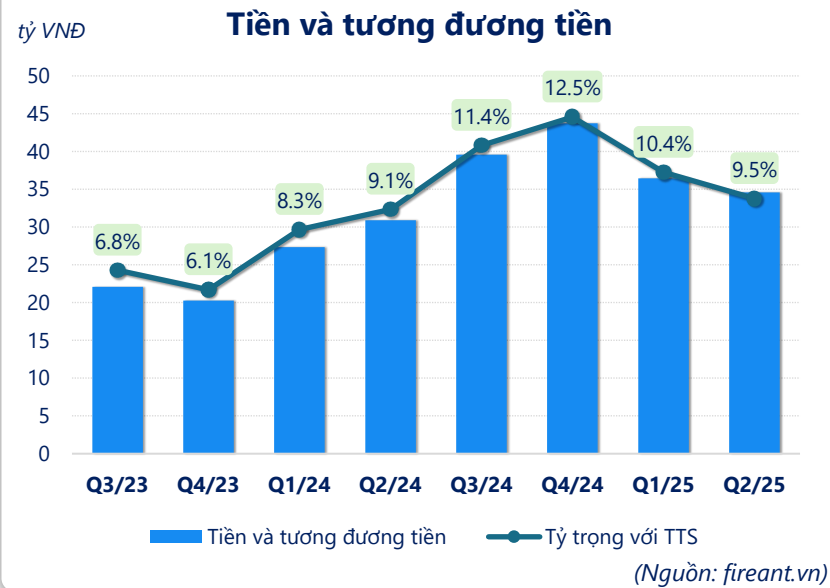
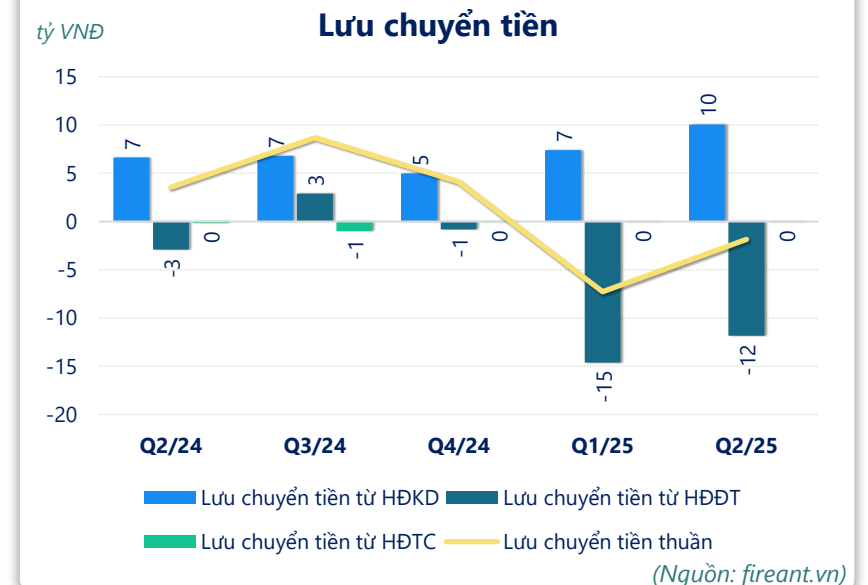
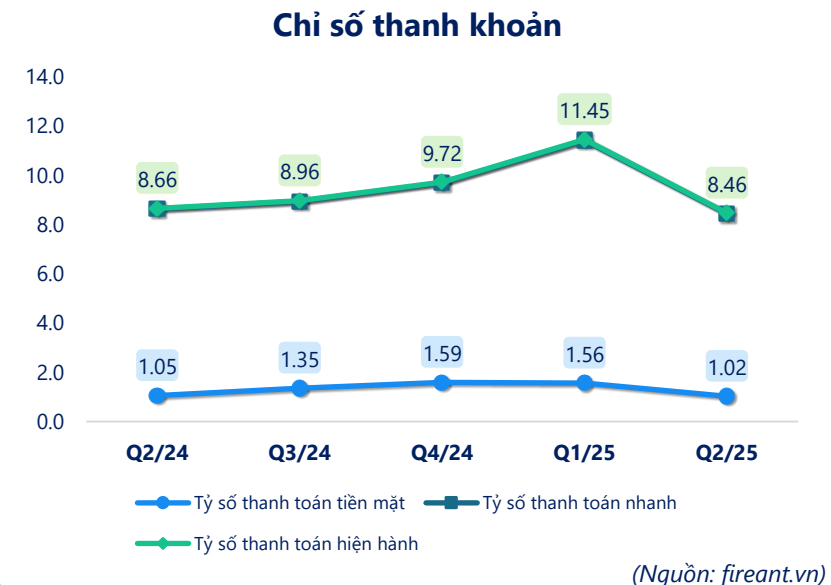
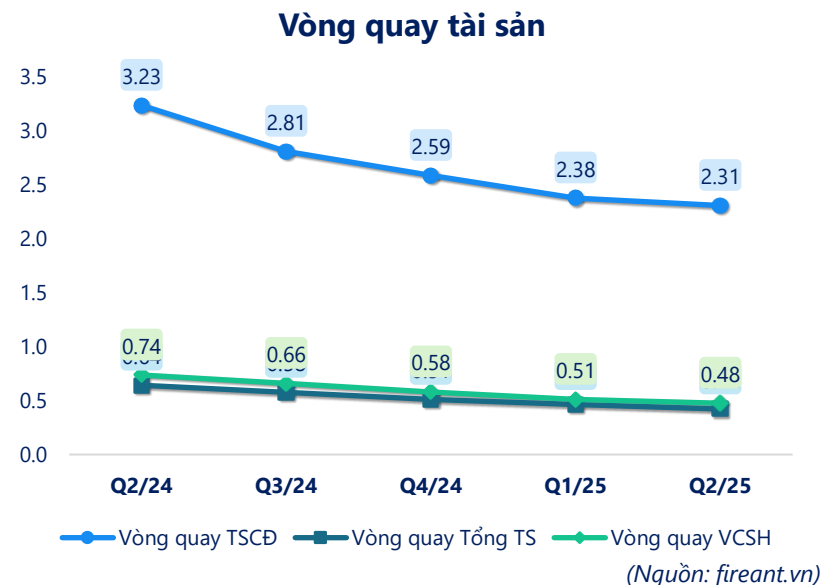
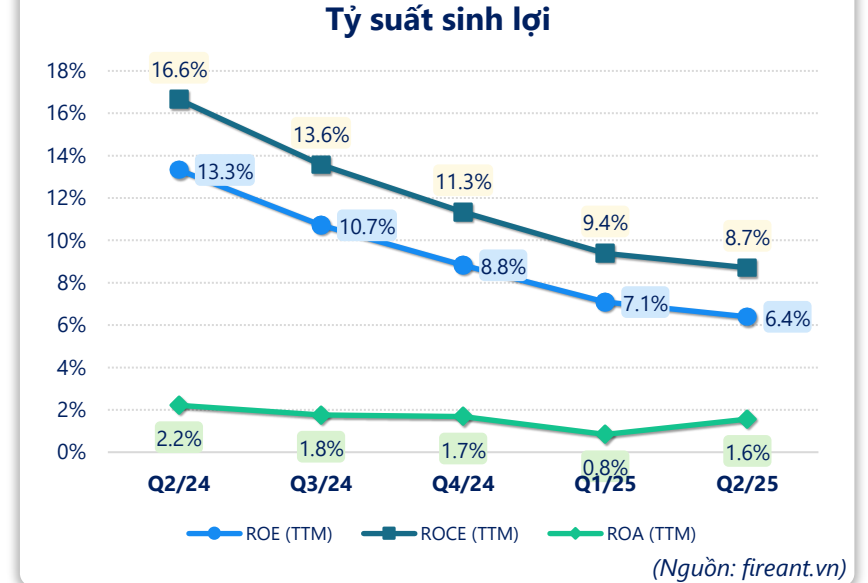
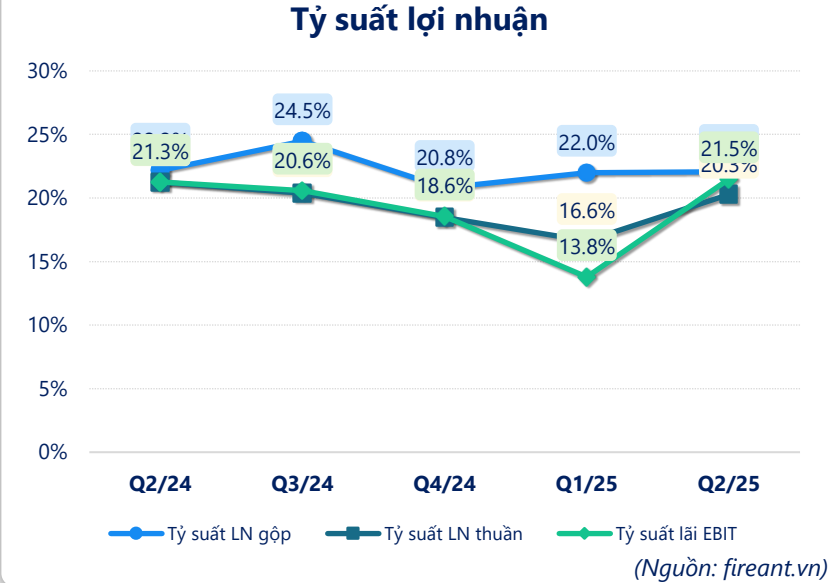
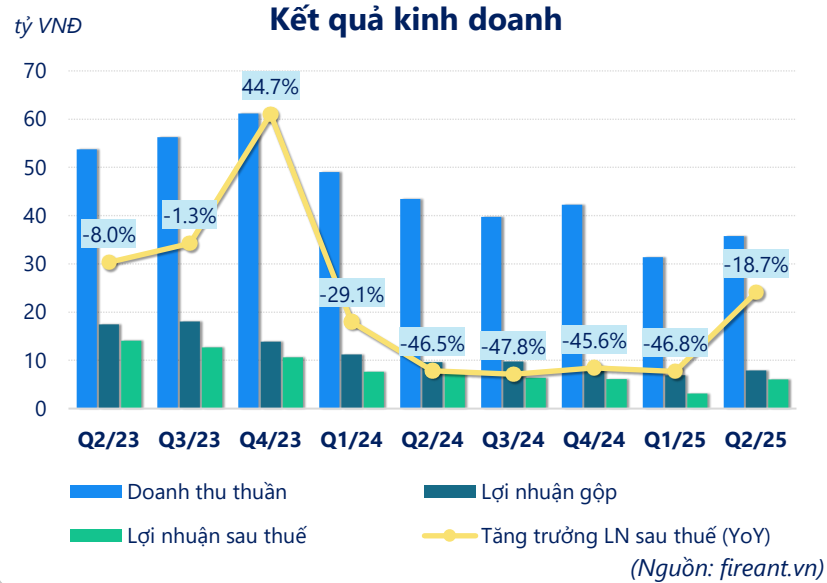


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		17,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		22,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		14,400
SL cổ phiếu LH		14,420,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		15
% sở hữu nước ngoài		0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		248
P/E		12.4
EPS		1,389

	YTD	1T	3T	6T
SGS	-2.3%	4.2%	-5.0%	-1.1%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	366	350	4.4%
Tài sản ngắn hạn	286	267	7.0%
Tiền và tương đương tiền	34.6	43.7	-20.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	218	188	15.9%
Phải thu ngắn hạn	30.8	33.1	-7.1%
Hàng tồn kho	0.80	0.69	15.6%
Tài sản ngắn hạn khác	1.36	1.30	5.1%
Tài sản dài hạn	80.0	83.2	-3.8%
Phải thu dài hạn	1.31	1.01	30.2%
Tài sản cố định	62.2	65.2	-4.6%
Bất động sản đầu tư	2.99	3.08	-3.2%
Tài sản dở dang	2.59	2.59	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	2.97	2.61	13.9%
Lợi thế thương mại	7.98	8.70	-8.3%
Nợ phải trả	42.1	35.8	17.5%
Nợ ngắn hạn	33.8	27.5	22.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.11	0.23	-50.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	14.5	10.9	33.3%
Nợ dài hạn	8.35	8.35	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.35	0.35	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	324	315	2.9%
Vốn chủ sở hữu	324	315	2.9%
Vốn điều lệ	144	144	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	43.5	39.8	42.2	31.4	35.8
Giá vốn hàng bán	33.8	30.0	33.4	24.5	27.9
Lợi nhuận gộp	9.63	9.73	8.78	6.91	7.89
Doanh thu HĐTC	2.51	2.05	3.77	1.20	2.47
Chi phí TC	0.03	0.08	0.02	0.03	0.07
Chi phí lãi vay	0.02	0.02	0.02	0.02	0.02
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	2.88	3.59	4.73	2.86	3.04
LN thuần từ HĐKD	9.24	8.10	7.80	5.22	7.25
Lợi nhuận khác	-0.01	0.06	0.02	-0.91	0.42
LN trước thuế	9.22	8.17	7.82	4.31	7.67
Lợi nhuận sau thuế	7.22	6.38	6.11	3.15	6.04
LNST của CĐ cty mẹ	7.23	5.92	5.74	2.85	5.53

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	6.64	6.80	4.97	7.39	10.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.93	2.87	-0.81	-14.6	-11.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.15	-1.00	-0.06	-0.06	-0.06
Tiền đầu kỳ	27.3	30.9	39.6	43.7	36.4
Lưu chuyển tiền thuần	3.56	8.67	4.10	-7.28	-1.85
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.05	0	0.00
Tiền cuối kỳ	30.9	39.6	43.7	36.4	34.6

(Nguồn: fireant.vn)